

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày: 02 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Hạnh

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 245/2024/TLST- HS ngày 11 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2024/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Cao C sinh năm 1986; Trú tại: TDP Q, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hoá; Số CCCD: 038086029652; nghề nghiệp: LĐTD; văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Cao P và bà Lê Thị T; có vợ là Đặng Thị Tuyết T và 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/7/2024 đến ngày 05/8/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Ngọc H sinh năm: 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: SN 38 N, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2021, do cần tiền để kinh doanh bất động sản, Lê Cao C nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng làm tin, kêu gọi tham gia góp vốn và vay tiền. Để thực hiện ý định trên, C lên mạng Internet tìm hiểu và thấy có tài khoản Facebook (C khai không nhớ tên tài khoản) nhận dịch vụ làm giấy tờ giả, C liên hệ và thuê làm giả 01 giấy chứng

nhận quyền sử dụng lô đất đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T, cùng trú tại phường Q, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô đất trên chi phí làm giả 800.000đ.

Sau khi nhận 02 giấy tờ giả trên từ shipper, tháng 8/2021 C sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này kêu gọi chị Trịnh Thị G góp vốn cùng chung mua lô đất với C. Hai bên thống nhất và lập hợp đồng góp vốn, trong đó C góp 72 %, chị G góp 28% tương đương số tiền 1.250.000.000đ. Sau đó chị G ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được lập sẵn do C đưa và viết 01 giấy ủy quyền đưa lại cho C.

Ngày 11/11/2021, C hỏi vay anh Nguyễn Ngọc H số tiền 500.000.000đ, do trước đó ngày 09/7/2021, C đã vay anh H số tiền 150.000.000đ chưa trả, nên anh H yêu cầu phải có tài sản thế chấp, C mang 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng, 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô đất mà C thuê làm giả trên, 01 hợp đồng góp vốn ghi tên C và Trịnh Thị G, 01 giấy ủy quyền đề ngày 11/11/2021 (bên ủy quyền là G, bên nhận ủy quyền là C) đưa cho anh H, do tin tưởng nên anh H đã đồng ý cho C vay số tiền 500.000.000đ, thời hạn 03 tháng. Tổng số tiền C vay của anh H là 650.000.000đ. Đến hạn không thấy C trả lại tiền, anh H đến địa chỉ lô đất kiểm tra thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà C đưa thế chấp vay tiền là giả, nên anh H làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan Công an tỉnh Thanh Hóa 02 giấy vay tiền đề ngày 09/7/2021, ngày 11/11/2021 và các giấy tờ C đưa cho anh thế chấp vay tiền.

Tại các Bản kết luận giám định số 2364/KL-KTHS ngày 07/7/2022; số 2365/KL-KTHS ngày 07/7/2022; số 2071/KL-KTHS ngày 07/6/2022; số 3138/KL-KTHS ngày 28/8/2024 của phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “Lê Cao C” trong 02 giấy vay tiền đề ngày 09/7/2021 và ngày 11/11/2021; Hợp đồng góp vốn; Giấy xác nhận; Hợp đồng đặt cọc và chữ viết chữ ký so sánh mang tên Lê Cao C do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết họ tên “Trịnh Thị G” trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hợp đồng góp vốn; Giấy ủy quyền đề ngày 11/11/2021 mang tên Trịnh Thị G do cùng một người viết ra. Phôi giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất, số CO 923168 so với mẫu so sánh không cùng phương pháp in; Hình dấu đỏ mang tên “*ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN T.THANH HÓA” trên mẫu cần giám định so với hình dấu tròn có màu đỏ có cùng nội dung trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký đứng tên Phạm Văn Tuấn trên mẫu cần giám định với chữ ký đứng tên Phạm Văn Tuấn trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn đỏ nội dung: “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG TRUNG THÀNH” ở mẫu cần giám định so với hình dấu màu đỏ có cùng nội dung ở mẫu so sánh không phải do cùng một

con dấu đóng ra; Chữ ký đóng tên “Phạm Anh Tiến” ở mẫu cần giám định là hình dấu chữ ký.

Ngày 27/7/2024, C đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú. Quá trình điều tra, C thừa nhận việc thuê làm giả 02 giấy tờ, trong đó sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho chị G kêu gọi góp vốn đầu tư, sau đó đưa giấy tờ này kèm theo 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô đất đưa cho anh H làm tin để vay tiền sử dụng mục đích kinh doanh bất động sản, bản thân không có mục đích chiếm đoạt tài sản của chị G và anh H. Thời điểm vay tiền của anh H, do thị trường bất động sản khó khăn, đến hạn không trả được cho anh H, C đã gọi điện cho anh H xin khẩn nợ và đi làm ăn xa, sau đó hàng tháng C gửi tiền về cho gia đình nhờ trả nợ cho anh H. Thời điểm anh H làm đơn tố cáo, C đang đi làm ăn xa cũng không được gia đình thông báo nên không biết.

Quá trình điều tra có căn cứ xác định trước thời điểm C đưa cho anh H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vay số tiền 500.000.000đ (ngày 11/11/2021) thì giữa C và anh H còn nhiều lần vay mượn tiền của nhau, nhưng không tính lãi suất, C cũng cho anh H vay tiền, đã thanh toán với nhau đầy đủ. Đối với các khoản vào ngày 09/7/2021 và ngày 11/11/2021, hàng tháng từ ngày 09/8/2021 đến ngày 13/02/2022, C chuyển khoản trả nợ cho anh H tổng số tiền là 124.250.000đ. Ngày 21/02/2022, anh H chuyển khoản cho C vay thêm số tiền là 49.000.000đ. Đến tháng 3/2022, C gọi điện cho anh H xin khẩn nợ do dịch bệnh Covid, làm ăn khó khăn phải đi xa làm ăn kiếm tiền trả dần, nhưng ngày 27/4/2022 anh H vẫn làm đơn tố cáo đến Cơ quan Công an. Thực tế hàng tháng, từ tháng 4/2022, C đều gửi tiền về cho gia đình nhờ trả nợ cho anh H, nên ngày 15/7/2022 anh H có đơn xin rút nội dung tố cáo C, trong đó xác định từ tháng 4/2022 đến tháng 7/2024, gia đình C đã trả cho anh H số tiền 390.000.000đ, sau đó C thỏa thuận với anh H về việc tiếp tục trả số tiền còn lại. Đối với chị Trịnh Thị G không có yêu cầu đề nghị gì mà tự thỏa thuận với C về việc trả nợ.

Cáo trạng số 02/CT-VKS-P3 ngày 10/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lê Cao C về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 BLHS; Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của BLHS; Mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là phạt tiền là hình phạt chính từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ. Bị cáo phải chịu án phí HSST. Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận và đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]*Về phần thủ tục tố tụng:* Về hành vi, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố trong vụ án này đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]*Về hành vi phạm tội:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Cao C khai nhận: Khoảng tháng 02/2021, do cần tiền để kinh doanh bất động sản, với mục đích để dễ vay vốn làm ăn, bị cáo đã đặt thuê qua mạng Facebook làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 800.000đ, bị cáo sử dụng 02 giấy tờ này vay anh Nguyễn Ngọc H số tiền 500.000.000đ. Thực tế, từ sau khi vay tiền đến nay, bị cáo vẫn thực hiện thỏa thuận về việc trả tiền cho anh H. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được phản ánh tại hồ sơ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Cao C đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]*Về tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu. Vì vậy, cần phải xử lý hình sự đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi áp dụng mức và loại hình phạt cần xem xét: bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; có bố đẻ là Lê Cao Phấn là thương binh khi tham gia kháng chiến chống Mỹ và được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bản thân bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương trước tới nay là công dân chấp hành tối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng TNHS, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS nên áp dụng Điều 35 của BLHS áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] *Án phí:* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14, bị cáo phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 341; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS. Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Cao C phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Cao C số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Về án phí: Bị cáo Lê Cao C phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã, phường bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Thị Hà